TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO YÊN** TỈNH LÀO CAI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 03-3-2020
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO YÊN - TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hoàng Thị Giang Thanh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Phạm Thị Dung
2. Ông Trần Bá Đường

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Lê Thị Dần - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 03/3/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 157/2019/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2019 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/02/2020 và Quyết định hoãn phiên toà số 01/2020/QĐST-HNGĐ ngày 25/02/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1990
Địa chỉ: Bản R, xã N, huyện B, tỉnh Lào Cai.
Có mặt.
Bị đơn: Anh Cổ Văn T1, sinh năm: 1989
Địa chỉ: Bản R, xã N, huyện B, tỉnh Lào Cai.
Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Hoàng Thị T trình bày:

Chị và anh Cổ Văn T1 kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 11/12/2008 tại Uỷ ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh Lào Cai. Cuộc sống chung của anh chị hoà thuận hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính nhau về cách sống, cách làm ăn kinh tế nuôi dạy con cái, anh T1 rượu chè và hai vợ chồng xảy ra cãi chửi nhau. Mâu thuẫn của anh chị đã được gia đình hai bên tham gia hoà giải nhưng không có kết quả. Từ tháng 7/2019 chị T về sống cùng bố mẹ đẻ và ra ngoài đi làm thuê, anh chị

đã sống ly thân từ đó đến nay không còn ai quan tâm tới nhau. Bản thân chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị ly hôn với anh Cổ Văn T1.

Đối với bị đơn anh Cổ Văn T1, quá trình giải quyết vụ án anh T1 trình bày: Anh và chị Hoàng Thị T1 kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 11/12/2008 tại Uỷ ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh Lào Cai. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hoà thuận không có mâu thuẫn gì, đến tháng 7/2019 thì chị T tự ý bỏ ra ngoài đi làm và từ đó thay đổi tình cảm không quan tâm tới gia đình không trở về sống cùng anh. Bản thân anh có tìm hiểu lý do và động viên thuyết phục chị T nhưng chị T cương quyết không về, vợ chồng anh đã sống ly thân nhau từ tháng 7/2019. Nay chị T xin ly hôn anh, anh không nhất trí ly hôn và đề nghị Toà án hoà giải cho vợ chồng anh về đoàn tụ.

Về con chung: Chị T và anh T1 trình bày trong thời gian chung sống anh chị có một con chung là cháu Cổ Thanh T2 sinh ngày 04/12/2008, hiện nay cháu đang ở với anh T1. Chị T đề nghị Toà án giải quyết cho anh T1 trực tiếp nuôi cháu và chị không cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh T1 không đồng ý ly hôn nên không đề nghị giải quyết về con chung, nếu chị T cương quyết ly hôn và Toà án xử cho ly hôn thì anh cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T2 và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh chị đều không đề nghị Toà án giải quyết.

Về công nợ chung: Vợ chồng anh chị có nợ Ngân hàng Chính sách xã hội huyện B số tiền 50.000.000đ, thời hạn trả nợ là ngày 08/8/2023, ngoài ra không còn nợ ai khác và không cho ai vay nợ. Do số nợ trên chưa đến thời hạn trả nợ nên anh chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ, nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng cứ, bị đơn không cung cấp tài liệu chứng cứ gì, theo yêu cầu của nguyên đơn Toà án đã tiến hành xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân của anh chị. Toà án đã hỏi ý kiến của cháu Cổ Thanh T1 và cháu có ý kiến: nếu bố mẹ ly hôn thì cháu ở với bố hay mẹ đều được. Tại phiên toà hôm nay anh T1 vắng mặt, chị T giữ nguyên ý kiến của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Yên phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị áp dụng: Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, xử cho chị Hoàng Thị T ly hôn với anh Cổ Văn T1. Đề nghị xử giao cháu Cổ Thanh T2 cho anh Cổ Văn T1 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, chị T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về án phí, chị T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Chị Hoàng Thị T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" với anh Cổ Văn T1. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai. Anh T1 vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do, căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Toà án xét xử vắng mặt anh.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị T và anh Cổ Văn T1 kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn, hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Cuộc sống chung của anh chị sau khi kết hôn xảy ra mâu thuẫn do anh chị không hợp nhau và có bất đồng quan điểm. Qua xác minh tại chính quyền địa phương thì sự việc mâu thuẫn của anh chị là có thật, hai anh chị đều thừa nhận đã sống ly thân từ khoảng tháng 7/2019 đến nay không ai quan tâm đến nhau. Xét thấy mâu thuẫn của anh chị đã thực sự trầm trọng, anh chị đã không còn thương yêu và quan tâm đến nhau nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, xử cho chị T ly hôn anh T1 là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Chị T và anh T1 có một con chung là cháu Cổ Thanh T2 sinh ngày 04/12/2008, hiện nay cháu đang ở với anh T1 và đi học tại xã N. Tại phiên toà hôm nay chị T đề nghị Toà án giải quyết giao cháu T2 cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng, anh T1 cũng có nguyện vọng được nuôi con chung. Qua xác minh tại địa phương cho thấy anh T1 hiện làm nông nghiệp, chăn nuôi trồng trọt và có nhà đất tại bản R, xã N, có thu nhập đủ khả năng điều kiện nuôi con chung. Vì vậy để đảm bảo điều kiện tốt nhất cho cháu ổn định cuộc sống và học tập, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của các đương sự, giao cháu T2 cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng, do anh T1 không yêu cầu nên chị T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[4]. Về tài sản chung và công nợ chung: Do các đương sự không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 4 Điều 147; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Xử cho chị Hoàng Thị T ly hôn anh Cổ Văn T1.

2/ Về con chung: Xử giao cháu Cổ Thanh T2 sinh ngày 04/12/2008 cho anh Cổ Văn T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi

cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Hoàng Thị T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn chị Hoàng Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3/ Về án phí: Chị Hoàng Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai theo biên lai số 0001681 ngày 13/12/2019. Chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Bảo Yên;
- UBND xã N;
- Đương sự;
- Chi cục THADS Bảo Yên;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Hoàng Thị Giang Thanh